

TÒA PHÚC THẨM
TÒA NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2025/HS-PT
Ngày 03 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 27 tháng 8 và ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Phương A, Huỳnh Thị Phương U, Đỗ Huỳnh Ngọc D, Phạm Thị H do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 623/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Ngọc S, sinh ngày ELD Ngày_sinh 17/4/1962 Thành phố Hồ Chí Minh chỉ hường trú: Số 116/19/1 Huỳnh Tấn P, Khu phố E, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nghiệp: Nguyên giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn Nhà Bè trình độ học vấn: 12/12 giới tính: Nam dân tộc: Kinh tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đ1, đã bị khai trừ ra khỏi đảng theo Quyết định số 06-QĐ/UBKTHU ngày

14/12/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy N5; con ông Trần Văn Q Lê Thị N cảnh gia đình: Có vợ Nguyễn Thị B và 02 con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2002) tiền án, tiền sự: Không tạm giữ, tạm giam: Ngày 11 tháng 10 năm 2021; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Phương A, sinh ngày 31/5/1986 Thành phố H chỉ thường trú: Số A khu phố E, thị trấn N, huyện N, Thành phố H xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Số B Tổ A, khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố H xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn Nhà Bè trình độ học vấn: 12/12 giới tính: Nữ dân tộc: Kinh tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đ1, đã bị khai trừ ra khỏi đảng theo Quyết định số 18/QĐ-UBKTHU ngày 30/01/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy N5; con ông Nguyễn Văn E Nguyễn Thị K cảnh gia đình: Có chồng tên là Trần Hòa N1 và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017) tiền án, tiền sự: Không tạm giữ, tạm giam: Ngày 25 tháng 7 năm 2023; có mặt.

3. Huỳnh Thị Phương U, sinh ngày 28/8/1982 tỉnh Thành phố H chỉ thường trú: Số A Đ Tổ I, khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố H xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: B Chung cư G (chung cư L), số E N, phường B, Quận G, Thành phố H phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Nguyên thủ quỹ Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N độ học vấn: 12/12 giới tính: Nữ dân tộc: Kinh tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 09/QĐ-UBKTHU ngày 09/10/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy N5; con ông Huỳnh Văn V Ngô Thị Hoàng Mai Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên là Phạm Thanh L và 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007) tiền án, tiền sự: Không bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Đỗ Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 09/11/1987 Thành phố H chỉ thường trú: Số C khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố H xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Số A H, khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố H xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Nguyên thủ quỹ Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N độ học vấn: 12/12 giới tính: Nữ dân tộc: Kinh tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 23/QĐ-UBKTHU ngày 27/12/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy N5; con ông ELD Cha Đỗ Trọng P1 Huỳnh Thị Kim C cảnh gia đình: Có chồng tên là Nguyễn Minh D1 và 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2023) tiền án, tiền sự: Không bị cáo tại ngoại; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Phạm Thị H, sinh ngày 02/01/1986 tỉnh Phú Yên là tỉnh Đắk Lắk); địa chỉ thường trú: Số A H, khu phố E, thị trấn N, huyện N, Thành phố H xã N,

Thành phố Hồ Chí Minh); nghiệp: Nguyên Trưởng ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn Nhà Bè trình độ học vấn: 12/12 giới tính: Nữ dân tộc: Kinh tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P2 Bùi Thị H1 cảnh gia đình: Có chồng tên là Phạm Đức T1 và 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019) tiền án, tiền sự: Không tạm giữ, tạm giam: Ngày 14 tháng 12 năm 2022; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc S: Ông Vy Trọng T2 là Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phương A: Bà Nguyễn Thị Huyền T3, ông Đình Gia T4 và bà Nguyễn Hoàng M1 là các Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; ông T4 và bà M1 có mặt, bà T3 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Phương U: Ông Phạm Thanh P3 và bà Võ Thị Xuân T5 là Luật sư của Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; ông P3 có mặt, bà T5 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D: Ông Lê Kinh D2 là Luật sư của Công ty TNHH L5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H: Bà Nguyễn Thị Thu T6 và bà Nguyễn Thị Thanh T7 là Luật sư của Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N; địa chỉ trụ sở: Số C H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoài N2, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Huyền T8, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã V, tỉnh Đắk Lắk); địa chỉ liên hệ: Tầng I, Tòa H - Số A Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N: Ông Lê Nguyễn Thế H2 và ông Lê Tiến M2 là Luật sư của Công ty L7, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Phạm Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N (viết tắt là Quỹ tín dụng Nhà Bè) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân số 15/GP-NHNN ngày 29/03/2007 do Ngân hàng N6 Chi nhánh Thành phố H cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã số 4107000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 13/4/2007 do Phạm Văn Đ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Trần Ngọc S làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật; Huỳnh Thị Phương T9 làm Phó Giám đốc; Nguyễn Phương A là Kế toán trưởng; Phạm Thị H là Trưởng Ban Kiểm soát; Huỳnh Thị Phương U làm thủ quỹ giai đoạn 2014 - tháng 3/2018, Đỗ Huỳnh Ngọc D làm thủ quỹ giai đoạn tháng 5/2018 - tháng 10/2020.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 10/2018, Trần Ngọc S đã ký Hợp đồng tín dụng cho 42 khách hàng cá nhân vay tiền Quỹ tín dụng Nhà Bè tổng cộng 19,75 tỷ đồng (số tiền vay giao động từ 200.000.000 đồng đến 01 tỷ đồng); tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất tại tỉnh Đồng Nai, Long An và Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay này hiện còn dư nợ quá hạn gốc 16,656 tỷ đồng nhưng tại Quỹ tín dụng Nhà Bè không còn lưu giữ bản chính các Giấy chứng nhận quyền sở hữu các bất động sản do người vay thế chấp, cụ thể như sau: (1) Hồ sơ vay của 02 cá nhân tổng cộng 02 tỷ đồng, tài sản đảm bảo do ông Hoàng Hồng N3 dùng tài sản cá nhân là 01 thửa đất tại huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bảo lãnh thế chấp vay; hiện nay 02 hồ sơ vay này còn dư nợ gốc quá hạn 02 tỷ đồng và không còn tài sản đảm bảo; (2) hồ sơ vay của 06 cá nhân tổng cộng 4,9 tỷ đồng, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại huyện B, tỉnh Long An đứng tên Công ty TNHH MTV P5 do ông Lê Thành N4 làm Giám đốc bảo lãnh thế chấp vay, hiện còn dư nợ gốc quá hạn tổng cộng 2,006 tỷ đồng và không còn tài sản đảm bảo; (3) hồ sơ vay của 34 cá nhân tổng cộng 12,85 tỷ đồng (số tiền vay từ 200.000.000 đồng đến 01 tỷ đồng), tài sản đảm bảo là 54 thửa đất tại huyện L, tỉnh Đồng Nai do các cá nhân vay đứng tên hoặc được bảo lãnh thế chấp (thường gọi là nhóm khách hàng Đồng Nai), hiện còn dư nợ gốc quá hạn 12,65 tỷ đồng và không còn tài sản đảm bảo.

Kết quả xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Các thửa đất là tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Quỹ tín dụng Nhà Bè nêu trên đã được xóa thế chấp và hiện không còn đứng tên của những người vay tiền hoặc

người bảo lãnh thế chấp vay tiền tại Quỹ tín dụng Nhà Bè mà đã được sang tên cho người khác; thời điểm xóa thế chấp các tài sản đảm bảo trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2021. Như vậy, Trần Ngọc S đã ký hợp đồng tín dụng cho 42 khách hàng cá nhân vay tiền Quỹ tín dụng Nhà Bè tổng cộng còn dư nợ 16,656 tỷ đồng nhưng không còn tài sản đảm bảo và đã được giải chấp, sang nhượng cho người khác. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Ngọc S, Phạm Văn Đ, Phạm Thị H, Nguyễn Phương A, Đỗ Huỳnh Ngọc D và Huỳnh Thị Phương U đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

- Bị cáo Trần Ngọc S khai toàn bộ các hồ sơ vay nêu trên đều là các khoản vay thông thường, khách hàng nhận tiền vay và sử dụng tiền vay, S không có sử dụng tiền từ những hồ sơ vay trên. Đối với 02 hồ sơ do Hoàng Hồng N3 đứng tên vay nhưng chung 1 nhóm làm ăn với Hoàng Hòa B1 (là chú của N3), khi kinh doanh khó khăn, B1 có nói với S về việc cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó bán đất và trả tiền cho Q1 tín dụng Nhà Bè nên S đã tự ý ký giấy xóa thế chấp. Bị cáo S chỉ đạo cho thủ quỹ Đỗ Huỳnh Ngọc D trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho N3 nhưng đến nay khách hàng vẫn chưa trả tiền cho Q1 tín dụng Nhà Bè.

Đối với 06 hồ sơ vay thế chấp tài sản của ông Lê Thành N4, Giám đốc đại diện Công ty TNHH MTV P5: Do ông Lê Thành N4 cho biết không có tiền để thanh lý hợp đồng vay, S có hỗ trợ việc bán đất trả nợ cho Quỹ tín dụng Nhà Bè bằng cách cử cán bộ tín dụng (Đinh Văn T10 và Văn Thị Bích T11) mang giấy xóa thế chấp xuống gặp người mua đất, khi người mua đất giao tiền cho N4, N4 giao tiền cho Q1 tín dụng Nhà Bè thì Quỹ tín dụng Nhà B2 sẽ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy xóa thế chấp cho N4. Tuy nhiên, do tiền bán đất không bằng tiền N4 nợ Quỹ tín dụng Nhà Bè nhưng do nhu cầu cần thiết thu hồi nợ nên S chỉ đạo cho cán bộ tín dụng trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy xóa thế chấp cho N4, để thu tiền mặt, phần còn thiếu thì cho N4 viết giấy nợ cho Quỹ tín dụng Nhà Bè. Đây là trách nhiệm của S khi trả tài sản thế chấp mà không thu hồi đủ công nợ. Đối với hồ sơ vay của những người ở tỉnh Đồng Nai, S có trực tiếp xuống thực tế tại huyện L, huyện N, tỉnh Đồng Nai khảo sát giá tài sản đảm bảo trước khi ký hợp đồng cho vay, mỗi cá nhân tại tỉnh Đồng Nai vay khoảng 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh lý hợp đồng thì S có liên hệ với các khách hàng vay để yêu cầu thanh toán nợ thì họ nói cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán mới có tiền trả nợ. Trước tình hình như vậy thì S chủ động tạo điều kiện cho 34 khách hàng trên, S đã tự ý ký giấy xóa thế chấp, sau đó S chỉ đạo cho thủ quỹ (Đỗ Huỳnh Ngọc D) trả giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng tại tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, để che giấu việc cho giải chấp tài sản thì S đã chỉ đạo lập các hồ sơ vay không nhằm cân đối sổ sách Quỹ tín dụng N.

- Bị cáo Phạm Văn Đ (Chủ tịch hội đồng quản trị) xác nhận không tham gia điều hành việc cho vay tại Quỹ tín dụng Nhà Bè, mọi hoạt động tín dụng là do Trần Ngọc S điều hành nhưng do yếu nghiệp vụ về tín dụng nên không theo dõi, giám sát hoạt động kinh doanh dẫn đến sai phạm tại Quỹ tín dụng Nhà Bè. Vì vậy, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm về hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý dẫn tới sai phạm của bị cáo S.

- Bị cáo Phạm Thị H (Trưởng ban kiểm soát Quỹ tín dụng Nhà Bè) thừa nhận trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến 2012, bị cáo H làm trưởng ban kiểm soát nhưng thực tế không thực hiện việc giám sát theo quy định. Bị cáo H hỗ trợ Kế toán trưởng là Nguyễn Phương A làm báo cáo gửi cơ quan quản lý cấp trên; số liệu do Nguyễn Phương A cung cấp; việc kinh doanh tại Quỹ tín dụng Nhà Bè do bị cáo S điều hành và chỉ đạo cấp dưới làm việc. Do bị cáo H đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện cho Trần Ngọc S tự ý giải chấp hết các tài sản đảm bảo của các hồ sơ vay, sau đó các tài sản này đã bị sang tên cho cá nhân khác, dẫn đến nhiều khoản vay đến nay không còn tài sản đảm bảo, không có khả năng thu hồi, gián tiếp gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè 16,656 tỷ đồng.

- Bị cáo Nguyễn Phương A (Kế toán trưởng Quỹ tín dụng Nhà Bè) xác nhận từ năm 2012, Quỹ tín dụng Nhà B2 đã phát sinh việc âm quỹ, nguyên nhân do các khoản vay của các nhóm khách hàng không thu được gốc, lãi vay nhưng bị cáo Nguyễn Phương A vẫn đồng ý theo chỉ đạo của Trần Ngọc S thực hiện hạch toán và lập các báo cáo tài chính, duyệt các chứng từ kế toán không thể hiện hoạt động kinh doanh có lợi nhuận trong thời gian dài. Việc cho các khách hàng vay nhưng không thu được nợ nên S đã chỉ đạo Phương A dùng tiền gửi của khách hàng để chi trả các chi phí như lương nhân viên, chi phí hoạt động, trả lãi cho khách hàng gửi tiền,... dẫn đến ngày càng âm quỹ nhiều hơn. Bị cáo Phương A không quản lý tài sản đảm bảo nhưng biết rõ việc ông S chỉ đạo thủ quỹ là Đỗ Huỳnh Ngọc D và Huỳnh Thị Phương U đưa các tài sản đảm bảo để bàn giao cho khách hàng khi khoản vay chưa được tất toán. Khi Ngân hàng N6 phát hiện thì S không có tài sản để trả lại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè.

- Bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D (thủ quỹ Quỹ tín dụng N): Đối với nhóm khách hàng vay tại Đồng Nai, D đã thực hiện xuất tài sản đảm bảo của 17/34 hồ sơ vay, trong đó có 09 hồ sơ vay D xuất giao cho T10 theo chỉ đạo của S

(có biên bản trả tài sản đảm bảo do S ký), D có thống kê trong tường trình đính kèm; các hồ sơ còn lại, D có giao cho T10 mượn để đi photo nhưng T10 đã giao cho ông S mà không có biên bản thể hiện, cụ thể:

STT	Họ tên khách hàng	Địa chỉ trên HĐTD	Dư nợ	Số TSDB	Năm trả
1	Cao Hòa Thiện	TT2007/14, khu phố 7, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	250.000.000	01 thửa đất	22/06/2018
2	Cao Thị Huỳnh Nga	TT48/16, khu phố 4, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	450.000.000	01 thửa đất	22/06/2018
3	Lê Văn Khóm	TT 1632, Khu phố 4, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	02 thửa đất	25/05/2018
4	Lê Công Hạnh	TT1716/28/1, khu phố 5, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	03 thửa đất	22/06/2018
5	Đỗ Trung Hiếu	TT 42/17, khu phố 6, TT Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	04 thửa đất	08/08/2018
6	Trương Thị Thảo	TT 64/32, khu phố 7, TT Nhà Bè, Nhà Bè	350.000.000	03 thửa đất	08/08/2018
7	Lê Phúc Tài	TT 27/16, khu phố 4, TT Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	03 thửa đất	08/08/2018
8	Nguyễn Dương Đình	TT 343/18, khu phố 6, TT Nhà Bè, Nhà Bè	450.000.000	01 thửa đất	25/05/2018
9	Đỗ Thành Nhân	TT 343/5, khu phố 6, TT Nhà Bè, Nhà Bè	250.000.000	01 thửa đất	22/06/2018
TỔNG			3.250.000.000	19 thửa	

Đối với 6 hồ sơ vay có chủ tài sản đảm bảo là Công ty TNHH MTV P5 do ông Lê Thành N4 là Giám đốc đại diện, mặc dù D biết rõ quy trình Quỹ tín dụng Nhà Bè phải vào lãi trước sau đó mới vào nợ gốc nhưng khi được S chỉ đạo, D vẫn trả tài sản đảm bảo khi mới chỉ thu được gốc, từ đó dẫn đến 5/6 hồ sơ đã trả tài sản đảm bảo mà còn dư nợ trên hệ thống, cụ thể 05 hồ sơ sau:

STT	Họ tên khách hàng	Địa chỉ trên HĐTD	Dư nợ	Số TSDB	Năm trả
1	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	47/1 , tổ 16, Khu Phố 6, Thị Trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè	218.500.000	04 thửa đất	02/10/2018
2	Võ Quang Luận	16A, Tổ 9, Khu Phố 6, Thị Trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè	308.563.700	03 thửa đất	07/11/2018

3	Lê Văn Hoàng	23/4, tổ 5, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè	656.116.000	03 thửa đất	26/10/2018
4	Lê Hồng Phúc	206/19/8, tổ 3 KP 6, TT Nhà Bè, Huyện Nhà Bè	96.056.000	04 thửa đất	23/10/2018
5	Phạm Ngọc Hoài	36B, tổ 10, KP 6, TT Nhà Bè, Huyện Nhà Bè	327.440.000	03 thửa đất	25/12/2018
TỔNG			1.606.675.700	17 thửa đất	

Còn 01 hồ sơ vay của khách hàng vay tên Phan Bá T12 do không có tài liệu, chứng cứ về xuất trả tài sản đảm bảo, không xác định được thời điểm trả tài sản đảm bảo, nên không xác định được người xuất trả tài sản đảm bảo.

- Bị cáo Huỳnh Thị Phương U (nguyên thủ quỹ Quỹ tín dụng N) thừa nhận bị cáo biết nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thừa nhận đã vi phạm quy chế về quản lý tài sản thế chấp khi trả tài sản đảm bảo mà hợp đồng chưa thanh lý. Theo đó, căn cứ vào thời gian làm việc của U và thời điểm trả tài sản đảm bảo U xác nhận đã xuất tài sản đảm bảo của 17/42 hồ sơ vay cho ông S, chi tiết như sau:

STT	Họ tên KH	Địa chỉ trên HĐTĐ	Dư nợ	Số TSDB	Năm trả
1	Nguyễn Thị Thuận Hiệp	TT 39/27, khu Phố 7, TT. Nhà bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	17/11/2017
2	Võ Thị Đẹp	TT2000/36, khu phố 7, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	07/11/2015
3	Trần Thị Tiên	TT39/6, khu phố 6, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	200.000.000	02 thửa đất	23/04/2018
4	Nguyễn Thị Điền	TT345/34, khu phố 7, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	01 thửa đất	30/09/2015
5	Bùi Thị Thanh Quyên	TT48/25, khu phố 5, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	02 thửa đất	30/01/2018
6	Phan Thanh Phong	TT2004/27, khu phố 7, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	07/11/2015

7	Phạm Trí Quốc	TT400/28, khu phố 7, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	07/11/2015
8	Trần Ngọc Tân	116/19/1 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 5, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	700.000.000	02 thửa đất	29/11/2017
9	Lê Văn Ba	TT 41/27, khu phố 6, TT. Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	01 thửa đất	30/01/2018
10	Võ Thanh Xuân	TT 68/27 KP7, TT Nhà Bè, Nhà Bè	150.000.000	01 thửa đất	17/11/2017
11	Võ Thị Hường	TT 1767/14, khu phố 5, TT Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	03 thửa đất	23/04/2018
12	Cao Anh Tuấn	TT 24/19, khu phố 4, TT Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	07/11/2015
13	Phan Phú Hữu	TT 47/23, khu phố 7, TT Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	07/11/2015
14	Nguyễn Thị Phương	TT 31/12, khu phố 5, TT Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	2016
15	Dư Quốc Bảo	TT 1763/28, khu phố 7, TT Nhà Bè, Nhà Bè	300.000.000	01 thửa đất	30/09/2015
16	Huỳnh Viết Hân	TT 382/28/1, khu phố 6, TT Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	01 thửa đất	29/12/2015
17	Trần Văn Phong	TT 495/38/15, khu phố 7, TT Nhà Bè, Nhà Bè	400.000.000	01 thửa đất	29/12/2015
TỔNG			5.750.000.000	22 thửa	

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 623/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 15 (mười lăm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2021.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương A 13 (mười ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2023.

3. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Phương U 09 (chín) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

4. Xử phạt bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D 08 (tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

5. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 07 (bảy) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2022.

6. Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 37.135.466.875 (ba mươi bảy tỷ một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng, cụ thể:

- Bị cáo Trần Ngọc S phải bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 18.567.733.440 (mười tám tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Phương A phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 9.283.866.718 (chín tỷ hai trăm tám mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm mười tám) đồng.

- Bị cáo Huỳnh Thị Phương U phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 2.970.837.350 (hai tỷ chín trăm bảy mươi triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi) đồng.

- Bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 2.599.482.681 (hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi mốt) đồng.

- Bị cáo Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 1.856.773.343 (một tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi ba) đồng.

- Bị cáo Phạm Thị H phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 1.856.773.343 (một tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi ba) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn Đ, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Phương A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, bị cáo Huỳnh Thị Phương U kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm tiền bồi thường.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, bị cáo Phạm Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm tiền bồi thường.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, bị cáo Trần Ngọc S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D kháng cáo đề nghị xem xét lại hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N có đơn kháng cáo đề nghị xác định lại tư cách tham gia tố tụng; làm rõ hồ sơ của 06 khách hàng vay mất tài sản đảm bảo; xem xét tính lãi của 42 hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử phúc thẩm; xác minh, kê biên tài sản của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Phương A, Huỳnh Thị Phương U, Phạm Thị H, Trần Ngọc S, Đỗ Huỳnh Ngọc D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phân trách nhiệm dân sự. Quỹ tín dụng Nhà Bè giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 10/2018, bị cáo Trần Ngọc S với tư cách là Giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng Nhà Bè đã ký nhiều hợp đồng tín dụng cho 42 khách hàng cá nhân. Mặc dù các khoản vay đến hạn chưa thu hồi, chưa làm thủ tục tắt toán hồ sơ vay trên hệ thống của Quỹ tín dụng Nhà Bè nhưng bị cáo S vẫn tự ý ký giấy giải chấp, chỉ đạo nhân viên gồm bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D và bị cáo Huỳnh Thị Phương U xuất trả tài sản đảm bảo của 42 khoản vay cho bên thế chấp dẫn đến 42 khoản vay hiện không còn tài sản đảm bảo và đang bị dư nợ quá hạn với số tiền 16.656.000.000 đồng không thu hồi được, gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè. Hành vi của các bị cáo Trần

Ngọc S, Nguyễn Phương A, Huỳnh Thị Phương U, Đỗ Huỳnh Ngọc D, Phạm Thị H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Điều 206 và Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài bị cáo Phương A cung cấp được Biên lai thu tiền thể hiện đã khắc phục được số tiền 500.000.000 đồng, bị cáo U khắc phục được số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo D khắc phục 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền bị cáo U và bị cáo D nộp khắc phục không đáng kể. Do đó, không có cơ sở xem xét giảm hình phạt và phân trách nhiệm cho các bị cáo S, U, H, D nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo này; đồng thời xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Phương A một phần hình phạt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc S trình bày quan điểm:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản tiền dư nợ liên quan 02 hồ sơ vay của Huỳnh Văn L1 và Chế Việt P đã được nộp lại cho Quỹ tín dụng, 06 hồ sơ vay của Lê Thành N4 bị cáo S đã yêu cầu Phương A, T11 trực tiếp xử lý để thu hồi tiền về cho Quỹ tín dụng. Ngoài ra, bị cáo S khai đã giao cho Đinh Thanh T13 05 tài sản đảm bảo nhưng thu về 2,35 tỷ đồng, trong đó khi giao 05 tài sản đảm bảo cho Phương A nhưng chỉ thu về số tiền 544 triệu đồng. Về số tiền thu của 34 khách hàng nhóm Đồng Nai đã thực hiện xong công nợ, số tiền 6.227.589.100 đồng thu của nhóm khách hàng Đồng Nai có trong số tiền 58.718.700.000 đồng mà bị cáo S đã nộp vào Quỹ tín dụng Nhà Bè. Tại phiên tòa sơ thẩm, Quỹ tín dụng Nhà B2 cũng xác nhận đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị thiệt hại số tiền 13,75 tỷ đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ nguồn tiền, dòng tiền thể hiện qua các chứng cứ kế toán thu nhập. Ngoài ra, bị cáo S hiện nay đang mắc bệnh hiểm nghèo, việc tạm giam bị cáo cũng như buộc chấp hành hình phạt tù không có nhiều ý nghĩa nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm án và cho bị cáo tại ngoại để điều trị bệnh tích cực.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phương A trình bày quan điểm:*

Đề nghị xem xét tới hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của bị cáo Phương A vì Quỹ tín dụng đã không ban hành quy chế hoạt động phổ biến rộng rãi tới nhân viên; Quỹ được hoạt động theo mô hình Công ty gia đình và do bị cáo Trần Ngọc S quyết định. Bị cáo Phương A là cháu vợ của bị cáo S, có mối quan hệ phụ thuộc, không được đào tạo chuyên sâu nghiệp vụ kế toán; việc lập, thực hiện chứng từ, báo cáo đều theo chỉ đạo của bị cáo S nên vai trò của

bị cáo là hạn chế và không đáng kể. Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại số tiền 100 triệu đồng, có nhiều thành tích trong hoạt động xã hội tại tỉnh Sóc Trăng, có thư cảm ơn, giấy khen; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con sinh năm 2015 và năm 2017. Tại phiên tòa, bị cáo đã khắc phục thêm số tiền 500.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp. Ngoài ra, thiệt hại cho Q1 tín dụng Nhà B2 được xác định là số tiền 14,656 tỷ đồng, trong đó bị cáo S phải chịu trách nhiệm chính, các bị cáo còn lại giữ vai trò giúp sức nên có trách nhiệm liên đới, tuy nhiên cũng cần phải xem xét lại số tiền này hiện nay đã được chi vào khoản chi nào, do ai giữ.. mới xác định được trách nhiệm liên đới theo phần mà bị cáo Phương A phải chịu trách nhiệm.

- *Bị cáo Nguyễn Phương A trình bày:* Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Phương U trình bày quan điểm:* Hành vi xuất trả tài sản của bị cáo U không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại của Quỹ tín dụng vì bị cáo là cấp dưới, có mối quan hệ phụ thuộc vào cấp trên là bị cáo Trần Ngọc S, bị cáo không có động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; con còn nhỏ, có nhân thân tốt; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trước hành vi phạm tội và tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra giải quyết nhanh vụ án. Mặc dù có hoàn cảnh khó khăn, nhưng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo U cũng đã vay mượn để khắc phục một phần hậu quả xảy ra với số tiền 10.000.000 đồng, khoản tiền này tuy không lớn so với trách nhiệm bồi thường của bị cáo nhưng thể hiện thái độ thực sự ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, hành vi phạm tội của bị cáo U là trường hợp phạm tội liên tục, kéo dài mà không phải là hành vi phạm tội nhiều lần. Vì vậy, với vai trò là người giúp sức hạn chế và không đáng kể, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để miễn hình phạt cho bị cáo U và xem xét lại trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với Quỹ tín dụng.

- *Bị cáo Huỳnh Thị Phương U trình bày:* Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D trình bày quan điểm:* Tương tự như bị cáo Phương A, bị cáo D không bàn bạc cụ thể với bị cáo S về việc thực hiện hành vi phạm tội. Đối với 09 hồ sơ đầu tiên thì bị cáo D đưa cho ông Đinh Thanh T13 mượn theo chỉ đạo của bị cáo S nhưng sau đó không

trả lại cho bị cáo D; đối với 05 hồ sơ sau thì bị cáo D hoàn toàn không biết vì lúc đó bị cáo D đang nghỉ thai sản, người phụ trách lúc đó là thủ quỹ Văn Thị Bích T11. Bị cáo D cũng không có động cơ vụ lợi trong vụ án và đang mang thai khi sự việc xảy ra. Vì vậy, cần xác định bị cáo D là người phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mới sinh con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, có cha là ông Đỗ Trọng P4 được Ban tặng Giấy khen; mẹ của bị cáo là bà Huỳnh Thị Kim C1 được Ban tặng nhiều giấy khen. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo D số tiền 50.000.000 đồng cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H trình bày quan điểm:* Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bên cạnh đó, gia đình bị cáo H có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có chồng đang phải điều trị ung thư giai đoạn cuối nên bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 02 con nhỏ (lớn 7 tuổi, nhỏ 3 tuổi). Ngoài ra, bị cáo H không trực tiếp gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng, không có động cơ vụ lợi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo H bồi thường thiệt hại là không phù hợp với quy định của Điều 584, 585 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ và xử phạt bị cáo H dưới 7 năm tù, đồng thời không buộc bị cáo H phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè.

- *Bị cáo Phạm Thị H trình bày:* Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Q1 tín dụng Nhà Bè trình bày quan điểm:*

Trong vụ án này, Quỹ tín dụng Nhà B2 là đơn vị bị các bị cáo trực tiếp xâm phạm nên cần xác định là Bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quỹ tín dụng Nhà B2 là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Bị cáo S có hành vi chiếm đoạt nhưng có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản bởi vì bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn, đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản do mình quản lý nên các bị cáo trong vụ án phải chịu trách nhiệm về hành vi này. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ kê biên tài sản của bị cáo S nhưng không kê biên tài sản của các bị cáo khác là chưa đảm bảo cho việc thi hành án thu hồi tài sản của Quỹ tín dụng Nhà Bè. Bên cạnh đó, cần buộc các bị cáo

bồi thường tiền lãi của các thiệt hại trên cho đến ngày xét xử sơ thẩm hoặc thi hành án mới đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Quỹ tín dụng N.

- *Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân N:* Nhất trí với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Q1 tín dụng nhân dân Nhà Bè.

- *Bị cáo Nguyễn Phương A nói lời nói sau cùng:* Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và phân trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

- *Bị cáo Huỳnh Thị Phương U nói lời nói sau cùng:* Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là thành viên trong nhóm thiện nguyện, bị cáo mong muốn được ở ngoài lo cho con nhỏ và giúp ích cho xã hội.

- *Bị cáo Phạm Thị H nói lời nói sau cùng:* Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N (viết tắt là Quỹ tín dụng Nhà Bè) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân số 15/GP-NHNN ngày 29/03/2007 do Ngân hàng N6 Chi nhánh Thành phố H cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã số 4107000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 13/4/2007 do Phạm Văn Đ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Trần Ngọc S làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật; Huỳnh Thị Phương T9 làm Phó Giám đốc; Nguyễn Phương A làm Kế toán trưởng; Phạm Thị H là Trưởng Ban Kiểm soát; Huỳnh Thị Phương U làm thủ quỹ giai đoạn 2014 - tháng 3/2018, Đỗ Huỳnh Ngọc D làm thủ quỹ giai đoạn tháng 5/2018 - tháng 10/2020.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 10/2018, bị cáo Trần Ngọc S với tư cách là Giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng Nhà B2 đã ký nhiều hợp đồng tín dụng cho 42 khách hàng cá nhân thuộc nhóm khách hàng do Hoàng Hồng N3, Lê Thành N4 đại diện và nhóm khách hàng Đồng Nai vay tổng số tiền 19,75 tỷ đồng; tài sản bảo đảm nhận thế chấp là các quyền sử dụng đất tại huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

huyện B, tỉnh Long An và huyện L, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình đó, mặc dù các khoản vay đến hạn chưa thu hồi, chưa làm thủ tục tắt toán hồ sơ vay trên hệ thống của Quỹ tín dụng Nhà Bè nhưng bị cáo S vẫn tự ý ký giấy giải chấp, đồng thời chỉ đạo nhân viên gồm bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D và bị cáo Huỳnh Thị Phương U xuất trả tài sản đảm bảo của 42 khoản vay cho bên thế chấp, trong đó bị cáo U xuất trả 17/42 hồ sơ, bị cáo D xuất trả 14/42 hồ sơ vay; hiện nay các tài sản này đã bị sang tên cho cá nhân khác, dẫn đến 42 khoản vay hiện không còn tài sản đảm bảo và đang bị dư nợ quá hạn với số tiền 16.656.000.000 đồng không thu hồi được, gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè.

Để che giấu hành vi xuất trả tài sản đảm bảo không đúng quy định pháp luật, bị cáo S đã chỉ đạo bị cáo A thực hiện hạch toán không các khoản đã thu trên sổ sách; dùng tiền gửi của khách hàng để chi trả các chi phí như lương nhân viên, chi phí hoạt động, trả lãi cho khách hàng gửi tiền; lập, ký các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo tình hình thực hiện thu nộp ngân sách Nhà nước; các chứng từ giao dịch không có thật thể hiện tình hình kinh doanh có phát sinh lợi nhuận liên tục từ năm 2014 đến năm 2020. Hành vi của bị cáo A đã giúp sức, tạo điều kiện cho bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài.

Bị cáo Phạm Văn Đ với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị và bị cáo Phạm Thị H với tư cách là Trưởng ban kiểm soát của Quỹ tín dụng Nhà B2 đã có hành vi không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; không kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ tín dụng Nhà Bè theo đúng quy chế hoạt động của Quỹ tín dụng Nhà Bè, tạo điều kiện cho bị cáo S thực hiện hành vi giải chấp toàn bộ tài sản đảm bảo của 42 hồ sơ vay dẫn đến nhiều khoản vay đến nay không còn tài sản đảm bảo và không có khả năng thu hồi, gián tiếp gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè số tiền 16.656.0000.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như trên, các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Phương A, Huỳnh Thị Phương U, Đỗ Huỳnh Ngọc D, Phạm Văn Đ, Phạm Thị H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Điều 206 và Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Phương A, Huỳnh Thị Phương U, Đỗ Huỳnh Ngọc D, Phạm Thị H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, chỉ kháng cáo

xin được giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá tính chất, vai trò, hậu quả của từng bị cáo như sau:

[2.1] Đối với bị cáo Trần Ngọc S: Là người đứng đầu điều hành hoạt động của Quỹ tín dụng Nhà Bè, nắm rõ các quy định của pháp luật cũng như quy chế giao dịch bảo đảm tiền vay đối với tài sản thế chấp là bất động sản là phải nắm giữ bản gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; việc bảo đảm tiền vay bằng tài sản cầm cố, thế chấp chỉ chấm dứt sau khi khách hàng hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc bên bảo lãnh hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh. Tuy nhiên, bị cáo S vẫn chủ trương và chỉ đạo cho bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D và bị cáo Huỳnh Thị Phương U xuất trả tài sản đảm bảo cho khách hàng trái quy định; đồng thời, để che giấu sai phạm của mình, bị cáo S còn chỉ đạo bị cáo Nguyễn Phương A lập, thực hiện các báo cáo không gửi Ngân hàng N6, dẫn tới hậu quả gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè số tiền là 16.656.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo S phải chịu trách nhiệm chính đối với thiệt hại trên với vai trò là người chủ mưu theo quy định tại khoản 4 Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bên cạnh đó, bị cáo S đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế tại chiến trường Campuchia được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba; được Chủ nhiệm Hậu cần tặng Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm 1988; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng bằng khen năm 2017; được Phó Tư lệnh Chủ nhiệm hậu cần 479 tặng giấy khen năm 1989; được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tri ân ghi nhận “Tấm Lòng Vàng” năm 2018; được Ủy ban M3 tặng bằng khen năm 2017; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N5 tặng Giấy khen năm 2018; được tặng danh hiệu 30 năm tuổi Đảng và nhiều giấy khen, biểu dương trong quá trình lao động, hoạt động xã hội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bên cạnh đó, bị cáo S còn bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phạm tội từ 02 lần trở lên.

Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo S 15 năm tù là tương xứng với vai trò, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo S không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Phương A: Là Kế toán trưởng của Quỹ tín dụng Nhà Bè có nhiệm vụ tổng hợp nợ, tiền gửi đến hạn; xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ; theo dõi và quản lý tài sản bảo đảm; tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ đơn vị; bảo quản, lưu trữ tốt các loại tài liệu, chứng từ kế toán. Tuy nhiên trong quá trình đó, bị cáo A đã không thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ được giao, cụ thể là bị cáo A biết rõ các hợp đồng tín dụng chưa được thanh lý nhưng các tài sản bảo đảm vẫn được bị cáo S bàn giao lại cho khách hàng; biết được bị cáo S làm âm quỹ tiền mặt trong hoạt động tín dụng từ năm 2012 nhưng không báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tố giác sự việc; đồng thời, để giúp cho bị cáo S che giấu hành vi vi phạm trên, bị cáo A đã lập, ký các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình thực hiện thu nộp ngân sách nhà nước, các chứng từ giao dịch không thể hiện tình hình kinh doanh có phát sinh lợi nhuận liên tục từ năm 2014 đến năm 2020; ngoài ra, bị cáo A còn cùng với bị cáo Huỳnh Thị Phương U lập và quản lý 01 sổ tay cập nhật, theo dõi, quản lý các hoạt động thu, chi ngoài sổ sách tại Quỹ tín dụng Nhà Bè theo chỉ đạo của bị cáo S. Từ những hành vi này, bị cáo Nguyễn Phương A đã giúp sức tích cực cho bị cáo S gây thiệt hại cho Q1 tín dụng Nhà Bè số tiền 16.656.000.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm về thiệt hại này với vai trò thứ 2 trong vụ án.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Nguyễn Phương A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại 200.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả xảy ra; mang thai trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội; có nhiều hoạt động thiện nguyện xã hội, xã hội hóa cho người nghèo và học sinh nghèo thuộc huyện K, huyện M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, được Công an huyện M gửi Thư cảm tạ, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C tặng Giấy khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bên cạnh đó, bị cáo Nguyễn Phương A còn bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phạm tội từ 02 lần trở lên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phương A tác động tới gia đình khắc phục số tiền 500.000.000 đồng cho Quỹ tín dụng Nhà Bè.

Sau khi đánh giá vai trò trong vụ án cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phương A 13 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa, mặc dù có phát sinh tình tiết mới là gia đình bị cáo đã nộp khắc phục thêm 500.000.000 đồng cho Q1 tín dụng Nhà B2 nhưng so với số tiền 9.283.866.718 đồng mà bị cáo phải bồi thường cho

Q1 tín dụng Nhà Bè thì số tiền khắc phục trên xem là không đáng kể. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mà giữ nguyên mức hình phạt 13 năm tù như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử để răn đe, phòng ngừa chung, nhất là trong bối cảnh tội phạm vi phạm các quy định về ngân hàng đang diễn biến có chiều hướng gia tăng như hiện nay.

[2.3] Đối với bị cáo Huỳnh Thị Phương U và bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D: Bị cáo U và bị cáo D là thủ quỹ của Quỹ tín dụng Nhà Bè, biết rõ các quy định pháp luật và quy chế tổ chức hoạt động, giao dịch đảm bảo tiền vay của Quỹ tín dụng Nhà Bè nhưng đã không thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cố ý vi phạm quy chế về quản lý tài sản thế chấp khi trả tài sản đảm bảo trong khi hợp đồng tín dụng chưa được thanh lý; trực tiếp ký các chứng từ thu, chi và hồ sơ kế toán không nhằm che giấu hành vi sai phạm của bị cáo Trần Ngọc S, tạo điều kiện cho bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, cụ thể bị cáo U đã xuất tài sản đảm bảo của 17/42 hồ sơ vay, giúp sức cho bị cáo S gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè số tiền 5.750.000.000 đồng; bị cáo D đã xuất tài sản đảm bảo của 14/42 hồ sơ vay, giúp sức cho bị cáo S gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè số tiền 4.858.675.700 đồng. Vì vậy, bị cáo U và bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự về những thiệt hại trên do bị cáo S gây ra.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo Huỳnh Thị Phương U, Đỗ Huỳnh Ngọc D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có con nhỏ, có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo U đã nộp lại 40.000.000 đồng, bị cáo D nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo D phạm tội trong thời gian đang mang thai. Vì vậy, bị cáo U được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; đồng thời, cả hai bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D khắc phục số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo U khắc phục 10.000.000 đồng nhưng so với số tiền các bị cáo phải bồi thường cho Q1 tín dụng Nhà B2 là không đáng kể nên không có cơ sở xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[2.4] Đối với bị cáo Phạm Thị H: Là Trưởng ban kiểm soát Quỹ tín dụng Nhà Bè, biết rõ trách nhiệm của mình trong việc kiểm tra, giám sát Quỹ tín dụng Nhà Bè hoạt động đúng pháp luật; kiểm tra hoạt động tài chính, xử lý các khoản lỗ, sử dụng quỹ, tài sản; giám sát an toàn trong hoạt động của Quỹ

tín dụng Nhà Bè; thực hiện kiểm toán nội bộ trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Quỹ tín dụng Nhà Bè. Nhưng bị cáo H đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tạo điều kiện gián tiếp cho bị cáo S thực hiện hành vi gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà B2 số tiền 16.656.000.000 đồng nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm về hành vi thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình dẫn đến hành vi phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo S cho Q1 tín dụng Nhà Bè.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Phạm Thị H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp 20.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng đang điều trị bệnh ung thư Hogdgin giai đoạn 3 và có 02 con còn nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét tới nhân thân để xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận

[3] Đối với kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N:

[3.1] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Hoạt động cho vay của Quỹ tín dụng Nhà B2 là hoạt động kinh doanh tiền tệ đặc thù, thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức tín dụng. Trong vụ án này, thông qua hành vi phạm tội, các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới hoạt động đúng đắn của Quỹ tín dụng Nhà Bè, gây thiệt hại cho tổ chức này số tiền 16.656.000.0000 đồng. Do các bị cáo không thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của pháp nhân này nên Quỹ tín dụng Nhà B2 không phải là Bị hại trong vụ án. Trường hợp này, lẽ ra căn cứ vào khoản 1 Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự xác định Quỹ tín dụng Nhà Bè là Nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự bởi vì đây là tổ chức bị thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quỹ tín dụng Nhà B2 là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác, nhưng sai sót này không ảnh hưởng tới đường lối giải quyết vụ án. Kháng cáo của Quỹ tín dụng N về nội dung này là không có căn cứ.

[3.2] Về kê biên tài sản: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra xác định được bị cáo Trần Ngọc S là người phải chịu trách nhiệm chính về thiệt hại, có

tài sản nên thực hiện việc kê biên tài sản của bị cáo S để đảm bảo thi hành án. Các bị cáo còn lại, do Cơ quan Điều tra chưa xác định được họ có tài sản hay không nên không áp dụng biện pháp kê biên tài sản. Trong quá trình thi hành án, Quỹ tín dụng Nhà Bè có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thực hiện việc kê biên tài sản của các bị cáo (nếu có) để đảm bảo thi hành án.

[3.3] Về cách tính lãi: Đây là vụ án hình sự liên quan tới hành vi gây thiệt hại làm thất thoát tài sản của Quỹ tín dụng Nhà Bè nên việc tính lãi chỉ được bắt đầu từ thời điểm các bị cáo có hành vi gây ra thiệt hại cho đến ngày vụ án bị khởi tố là phù hợp là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng N về yêu cầu tính tiền lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm hoặc ngày thi hành án.

[3.4] Về việc bỏ sót 06 khách hàng vay bị mất tài sản bảo đảm: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có thẩm quyền xét xử những gì bản Cáo trạng đã truy tố. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét xử trong phạm vi xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Trường hợp cho rằng cơ quan tiến hành tố tụng bỏ lọt hành vi phạm tội đối với 06 khách hàng vay bị mất tài sản bảo đảm, Quỹ tín dụng Nhà Bè có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của Quỹ tín dụng N đối với nội dung này cũng không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về quan điểm bào chữa của Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm:

[4.1] Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng do không có hành vi chiếm đoạt, không vụ lợi và không có mối quan hệ nhân quả giữa hậu quả và hành vi phạm tội nên các bị cáo không có trách nhiệm bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án liên quan tới hoạt động của tổ chức tín dụng, các bị cáo thực hiện hành vi khách quan xâm phạm tới khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là hoạt động đúng đắn của các tổ chức tín dụng, thông qua đó gây thiệt hại cho tổ chức này; mỗi bị cáo giữ một vai trò quan trọng trong vụ án; nếu các bị cáo thực hiện đúng quy định nghiệp vụ tín dụng, quy chế của Quỹ tín dụng Nhà Bè thì bị cáo S đã không thể thực hiện được hành vi phạm tội trong khoảng thời gian dài dẫn tới gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng Nhà Bè. Từ hành vi vi phạm của mình, các bị cáo có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho Quỹ tín dụng Nhà Bè trên cơ sở phân hóa, cá thể hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án là đúng pháp luật.

[4.2] Ngoài ra, quan điểm của Luật sư còn cho rằng hành vi của một số bị cáo không thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà chỉ là hành vi “phạm tội liên tục, kéo dài” thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi “phạm tội nhiều

lần” là trường hợp người phạm tội đã thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên, tác động đến cùng một đối tượng hoặc nhiều đối tượng khác nhau mà chưa bị đưa ra xét xử, trong đó các hành vi đều đủ để cấu thành một tội phạm độc lập. Đối với hành vi phạm tội liên tục là trường hợp nhiều hành vi cùng loại xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian, cùng xâm hại đến một quan hệ xã hội và đều bị chi phối bởi cùng một ý định phạm tội cụ thể thống nhất; người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhưng nếu tách các hành vi thì không cấu thành tội phạm độc lập do tính nguy hiểm chưa đáng kể. Ở trường hợp vụ án cụ thể này, các bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần và mặc dù liên tục kéo dài, nhưng mỗi lần đều đủ cấu thành tội phạm độc lập nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc định khung hình phạt là đúng. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận quan điểm của Luật sư về nội dung này.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo kháng cáo và Quỹ tín dụng nhân dân N phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 623/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Phương A, Huỳnh Thị Phương U, Đỗ Huỳnh Ngọc D, Phạm Thị H; không chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 623/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên xử:

1. Áp dụng: Khoản 4 Điều 206, điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 15 (mười lăm) năm tù về “Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2021.

2. Áp dụng: Khoản 4 Điều 206, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương A 13 (mười ba) năm tù về “Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2023.

3. Áp dụng: Khoản 4 Điều 206, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Phương U 09 (chín) năm tù về “Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

4. Áp dụng: Khoản 4 Điều 206, điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D 08 (tám) năm tù về “Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

5. Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 07 (bảy) năm tù về “Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2022.

6. Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 37.135.466.875 (ba mươi bảy tỷ một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng. Cụ thể:

- Bị cáo Trần Ngọc S phải bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 18.567.733.440 (mười tám tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Phương A phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 9.283.866.718 (chín tỷ hai trăm tám mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm mười tám) đồng.

- Bị cáo Huỳnh Thị Phương U phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 2.970.837.350 (hai tỷ chín trăm bảy mươi triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi) đồng.

- Bị cáo Đỗ Huỳnh Ngọc D phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 2.599.482.681 (hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi mốt) đồng.

- Bị cáo Phạm Thị H phải bồi thường cho Q1 tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N số tiền 1.856.773.343 (một tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi ba) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

7. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Phương A và Phạm Thị H để đảm bảo việc thi hành án.

8. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Phương A, Huỳnh Thị Phương U, Đỗ Huỳnh Ngọc D, Phạm Thị H, mỗi người phải chịu 200.000 đồng. Quỹ tín dụng nhân dân Cơ sở thị trấn N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0069883 ngày 10/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 623/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thị hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Trại Tạm giam Chí Hòa;
- Các bị cáo;
- UBND xã Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu VT; HSVA - NTCL.

Ngô Mạnh Cường